

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Trần Thị Dành**

Giảng viên hướng dẫn: **CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
PHÚ HẢI.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN.**

Sinh viên : Trần Thị Dành

Giảng viên hướng dẫn: CN.GVC Nguyễn Văn Vĩnh

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Dành

Mã SV: 110030

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Trình bày thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải
 - Nhận xét đánh giá thực trạng tổ chức kế toán của chuyên đề sau đó đưa ra giải pháp khắc phục mặt còn tồn tại.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
Sử dụng số liệu kế toán của công ty từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Vĩnh

Học hàm, học vị: Cử nhân – Giảng viên chính

Cơ quan công tác: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Trong quá trình thực tập tại Công ty sinh viên Trần Thị Dành chấp hành nghiêm nội quy, qui định của công ty. Chịu khó học hỏi, tìm tòi, nghiên cứu, khiêm tốn, cầu thị, có quan hệ đúng mực.
 - Biết tranh thủ ý kiến của giáo viên hướng dẫn trong quá trình nghiên cứu và viết khóa luận.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Về mặt lý luận: Sinh viên đã nêu được những nội dung cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Về mặt thực trạng: Sinh viên đã sử dụng số liệu tháng 09/2010 của công ty và mô tả tương đối đầy đủ các phân hành kế toán của chuyên đề.
 - Các kiến nghị nhằm hoàn thiện các mặt còn hạn chế trong công tác trong công tác kế toán có căn cứ và có tính khả thi.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

9.9 (Chín phẩy chín điểm)

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được lợi nhuận. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời có biện pháp khắc phục.

Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà các doanh nghiệp cần phải làm đó là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng trong quản lý quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: *“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải”*.

Nội dung khoá luận ngoài mở đầu và kết luận được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và thầy giáo Nguyễn Văn Vĩnh. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên bài khoá luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP****1.1. Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh****1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp*****1.1.1.1/ Khái niệm***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát triển doanh thu như bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện.

1.1.1.2/ Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:***1.1.1.2.1, Các loại doanh thu:*******/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

- Doanh thu bán hàng hoá: Là doanh thu hoặc doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu bán các thành phẩm: Là doanh thu hoặc doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (Thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là doanh thu hoặc doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Là các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng

hoá dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Là doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

****/ Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

****/ Thu nhập khác***

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

1.1.1.2.2, Các phương thức bán hàng

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp

nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}}{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

1.1.1.2.3, Thời điểm ghi nhận doanh thu

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua; bên bán đã thu được tiền hàng hoặc bên mua nhận nợ.

- Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

1.1.1.3/ Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp:

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng... (do chủ quan doanh nghiệp).

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết như: Không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

Doanh thu = DT bán hàng - Chiết khấu TM - DT BH bị trả lại - Giảm giá hàng - Thuế TTDB, thuế XK phải nộp, thuế

1.1.2/ Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.2.2. Các loại chi phí

- *Giá vốn hàng bán:* Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí bán hàng:* Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

- *Chi phí hoạt động tài chính:* Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

- *Chi phí khác:* Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

1.1.3/ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động

khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

1.1.3.2. Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu được với chi phí thì doanh nghiệp sẽ biết được mình kinh doanh lãi hay lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2/ Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1/ Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm

tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2/ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu, đó là:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

1.3/ Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1/ Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1/ Kế toán doanh thu, thu nhập

a, Chứng từ sử dụng

Doanh thu thể hiện việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu để ghi nhận các khoản thu bằng tiền
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

b, Tài khoản sử dụng

✓ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”

<p>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã</p>	<p>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung</p>
--	--

<p>cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ; - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<p>cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có bốn tài khoản cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117 : Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

✓ *Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ”* dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ”

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá	- Tổng doanh thu bán hàng
---	---------------------------

<p>hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển vào cuối kỳ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán nội bộ; - Thuế GTGT phải nộp cho số hàng hoá tiêu thụ nội bộ (phương pháp trực tiếp); - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có các tài khoản chi tiết như sau:

- 5121 : Doanh thu bán hàng hoá
- 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm
- 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ *Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”* dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. Gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch do bán ngoại
---	--

	tê, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn....
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”* dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập, không phản ánh các khoản chi phí.

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh ”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng, Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra....
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

c. Phương pháp hạch toán:

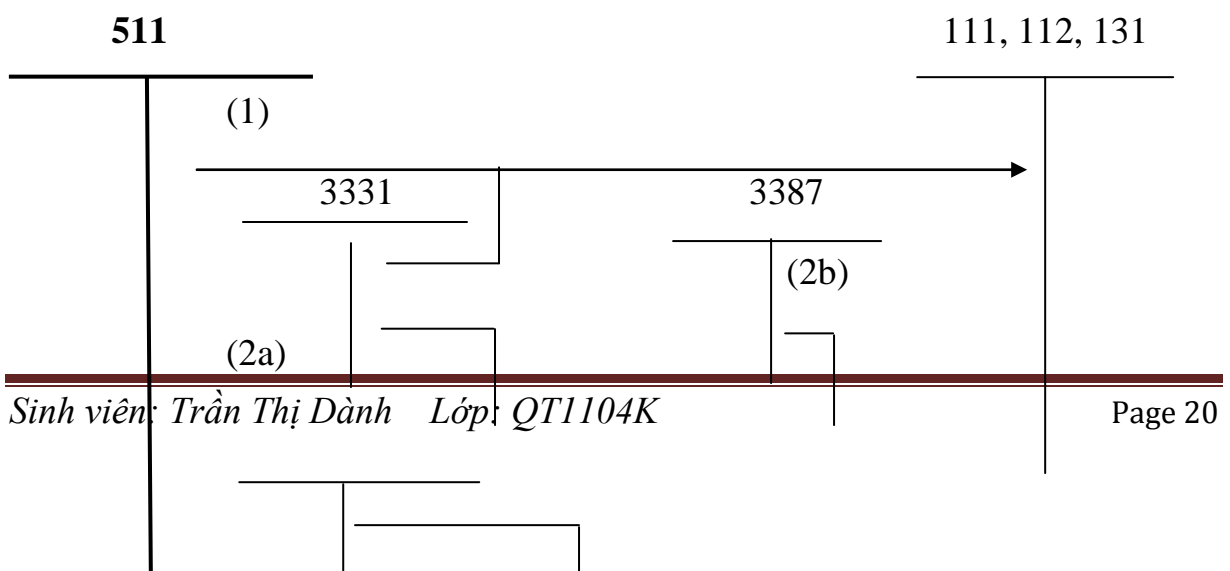
c1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Để hạch toán kế toán quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp, yêu cầu quản lý và quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp có thể áp dụng các phương pháp kế toán: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp.

Trên thực tế hiện nay các doanh nghiệp chủ yếu áp dụng *phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*, và sử dụng một trong hai phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ thuế GTGT và phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT.

- *Đối với DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.*

Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các nghiệp vụ chủ yếu



3331

111, 112, 136

(3)

627, 641, 642

(4)

Giải thích sơ đồ:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (2a) Doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp
- (2b) Lãi bán hàng trả góp
- (3) Đơn vị trực thuộc bán hàng cho đơn vị cấp trên
- (4) Hàng được xuất dùng cho các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá không thuộc diện chịu thuế GTGT.

** Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc sản xuất kinh doanh những mặt hàng không chịu thuế GTGT.*

Trong trường hợp này hạch toán tiêu thụ và ghi nhận doanh thu tương tự như trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tuy nhiên, có một số điểm khác sau:

- Đối với mặt hàng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trong giá bán đã có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331 “Thuế GTGT đầu ra”. Cuối kỳ, khi xác định được số thuế GTGT phải nộp kế toán ghi:

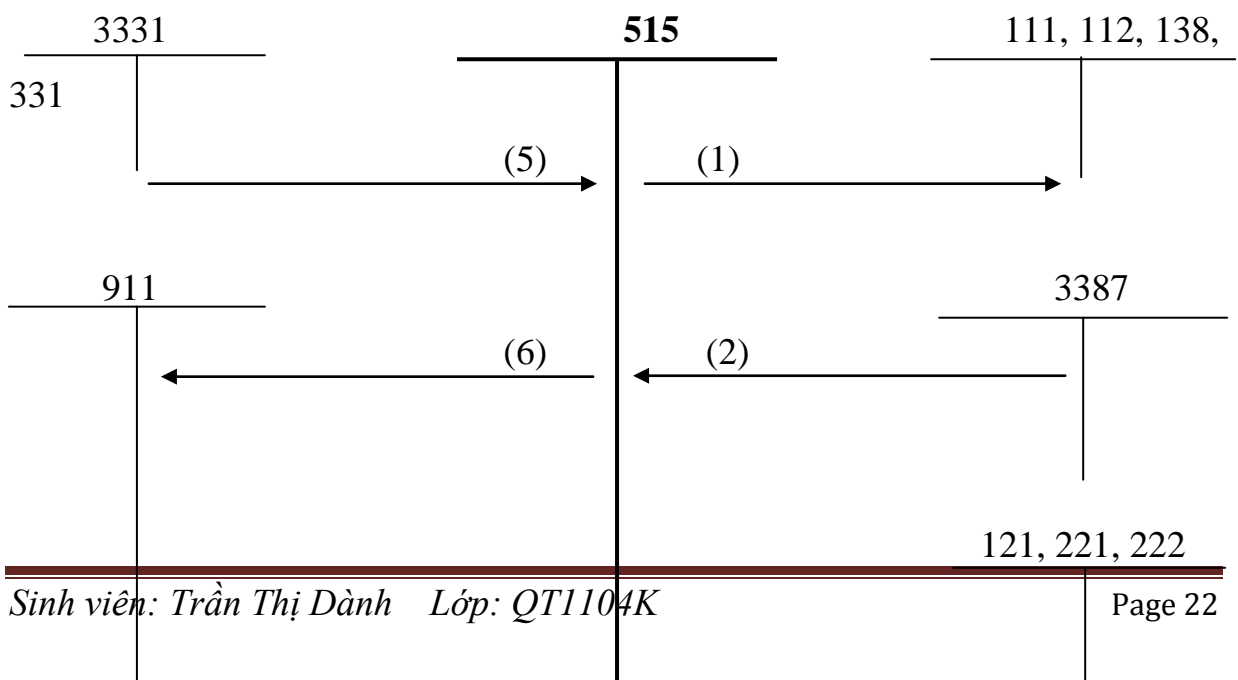
Nợ TK 511

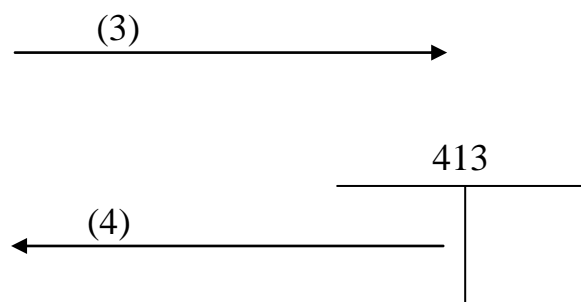
Có TK 3331

- Đối với mặt hàng không chịu thuế GTGT thì giá bán không liên quan đến thuế GTGT.

c2, Doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 1.2 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính các nghiệp vụ chủ yếu

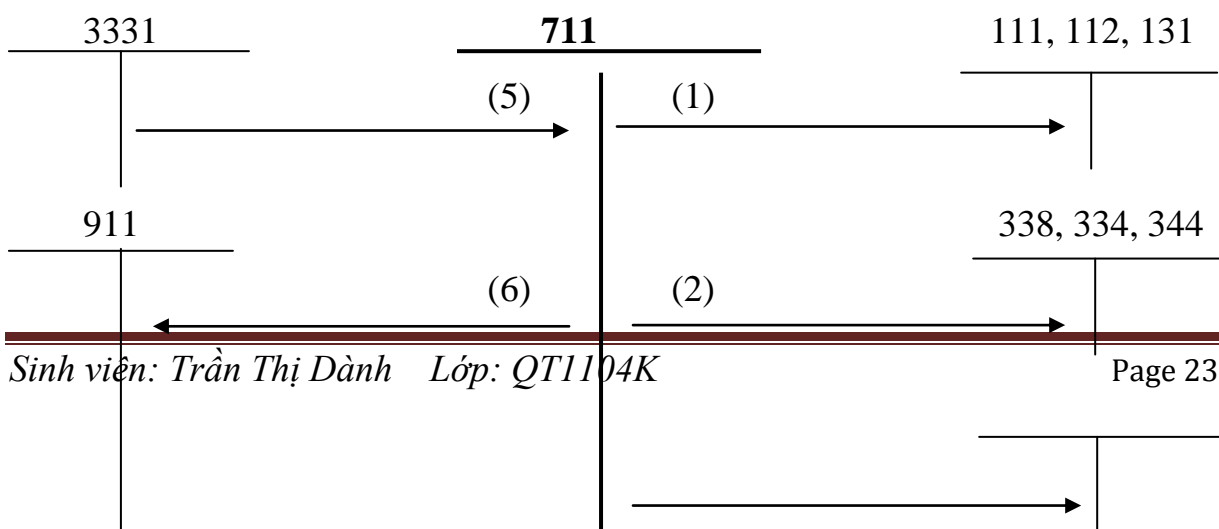


Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu nhập hoạt động tài chính, nhận được thông báo lãi chứng khoán, lãi do bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán được hưởng,....
- (2) Phân bổ dần lãi do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước.
- (3) Thu nhập về lợi nhuận được bổ sung vốn góp liên doanh, lãi cho vay, lãi kinh doanh chứng khoán bổ sung mua chứng khoán.
- (4) Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ (sau khi đã bù trừ).
- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động tài chính (nếu có).
- (6) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

c3, Thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính chất thường xuyên.

Sơ đồ 1.3 : Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu về thu nhập khác

331,338, 3331

(3)

3387

(4)

Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu về thanh lý TSCĐ, thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền bảo hiểm được các tổ chức bảo hiểm bồi thường, nợ khó đòi đã xử lý sau đó thu được nợ.
- (2) Khoản tiền phạt khách hàng khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn, khấu trừ vào lương của CB – CNV.
- (3) Các khoản nợ phải trả mà chủ nợ không đòi được tính vào thu nhập khác, số thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ.
- (4) Định kỳ phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác
- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác (nếu có).
- (6) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại; Hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán; Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

a, Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

b, Tài khoản sử dụng

✓ *Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”* dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại(Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá).

- ✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

✓ *Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”* dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”

Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc
--	--

khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.	TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

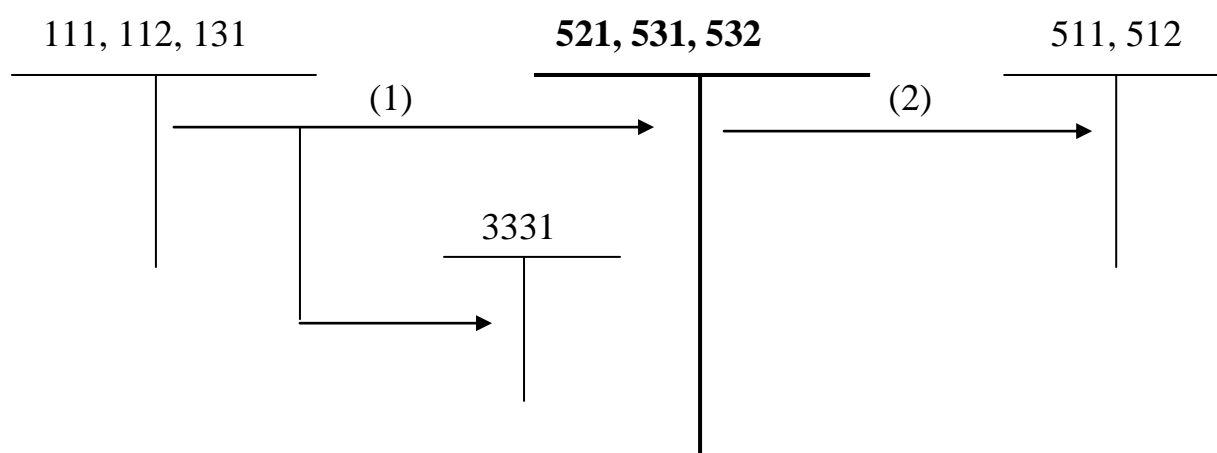
✓ Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán” dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

c, Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Giải thích sơ đồ:

(1) Các khoản Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho khách hàng và thanh toán cho người mua số tiền của hàng bán bị trả lại

(2) Cuối kỳ, kết chuyển các khoản giảm trừ sang tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần.

1.3.2. Tổ chức kế toán chi phí

a, Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn thuế GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Bảng kê thanh toán tạm ứng.
- Các chứng từ khác có liên quan,....

b, Tài khoản sử dụng

✓ *Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”* dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng đã bán. - Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập khoản dự phòng. - Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

✓ Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ,
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

✓ Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán. Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ;
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

- *Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”* dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

- *Tài khoản 811 “ Chi phí khác”* dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

✓ *Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”* dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

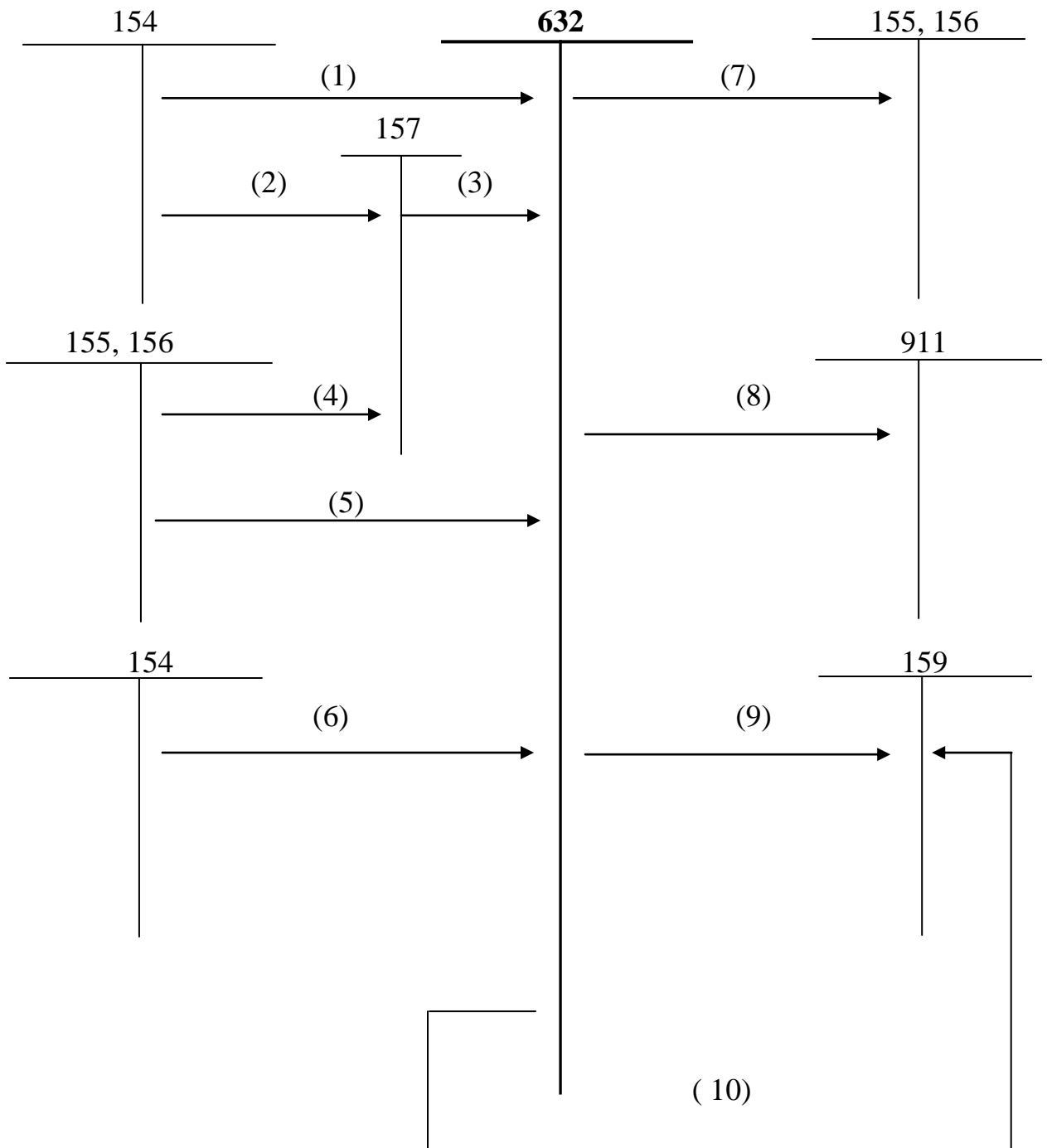
- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm). - Số hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (Là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm) - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - K/C chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên nợ TK911- “Xác định kết quả kinh doanh”. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm) - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập phải trả phát sinh trong năm. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212-“Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

c, Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5 : Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



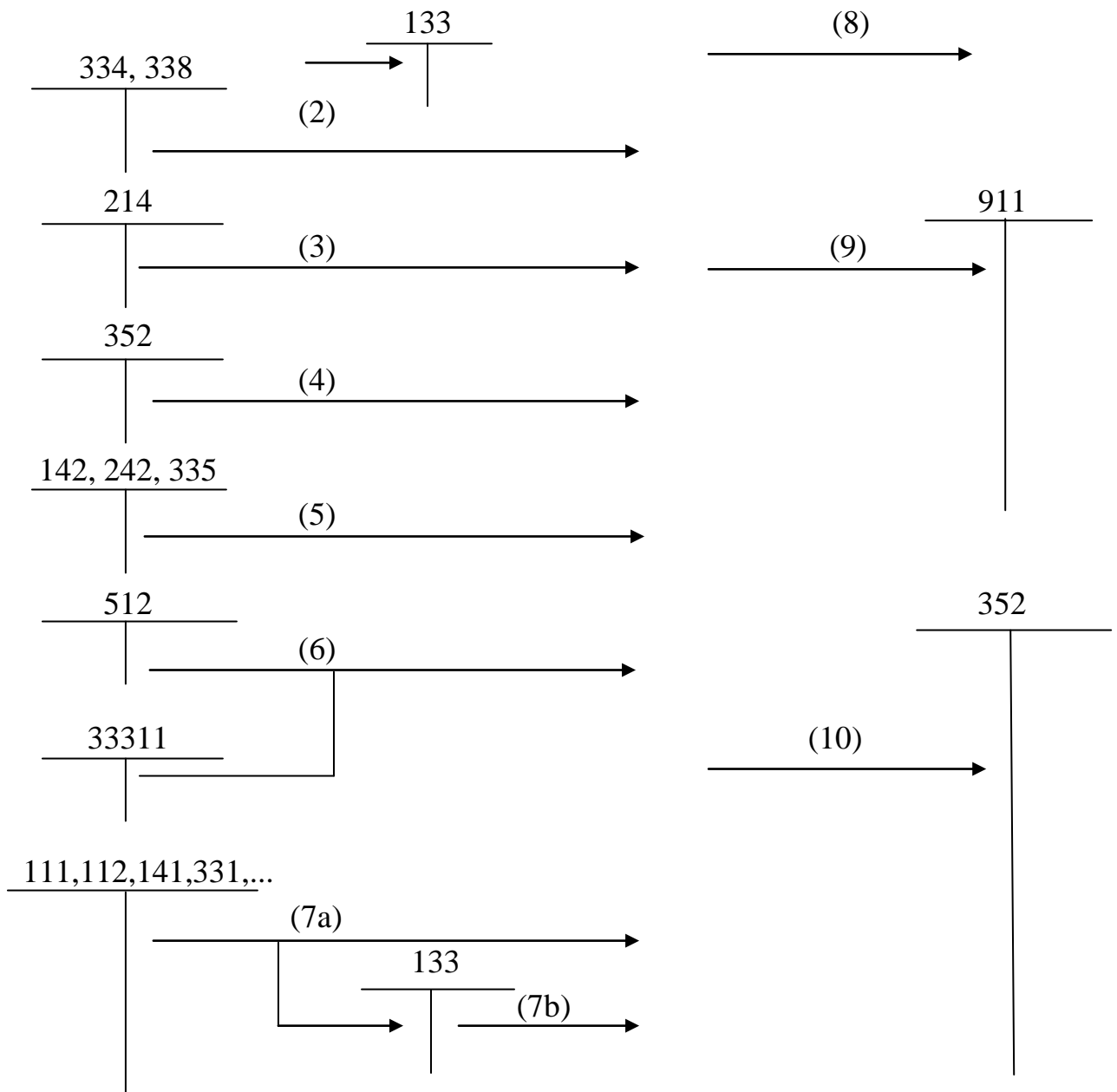
Giải thích sơ đồ:

(1) Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho.

- (2) Thành phẩm sản xuất ra gửi bán không qua nhập kho.
- (3) Khi hàng gửi bán được xác định là tiêu thụ.
- (4) Thành phẩm hàng hoá xuất kho gửi bán.
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hoá để bán.
- (6) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ.
- (7) Thành phẩm, hàng hoá bị trả lại nhập kho.
- (8) Kết chuyển giá vốn hàng bán và các chi phí khi xác định kết quả kinh doanh
- (9) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (10) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Sơ đồ 1.6 : Kế toán chi phí bán hàng



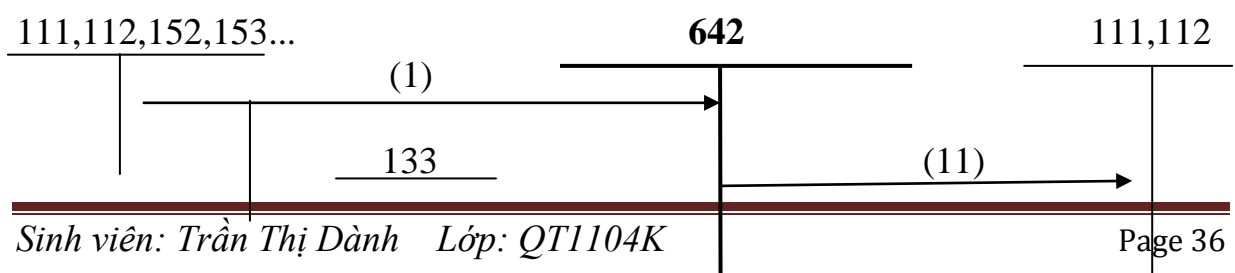


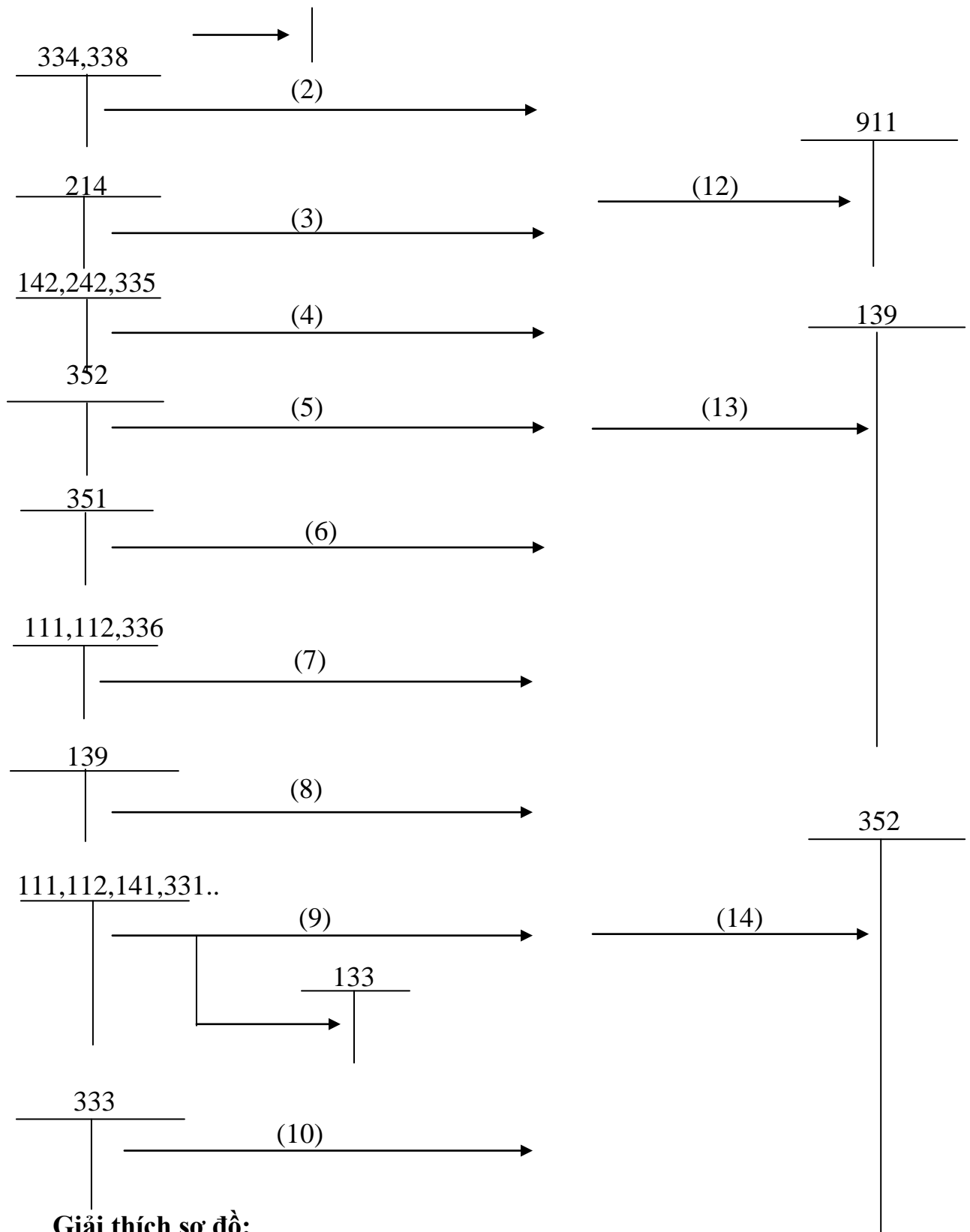
Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí vật liệu, dụng cụ.
- (2) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương.

- (3) Chi phí khấu hao TSCĐ.
- (4) Dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Thành phẩm, hàng hoá dịch vụ sử dụng nội bộ.
- (7a) Chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.
- (7b) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu được tính vào chi phí bán hàng.
- (8) Các khoản thu giảm chi.
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- (10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

Sơ đồ 1.7 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



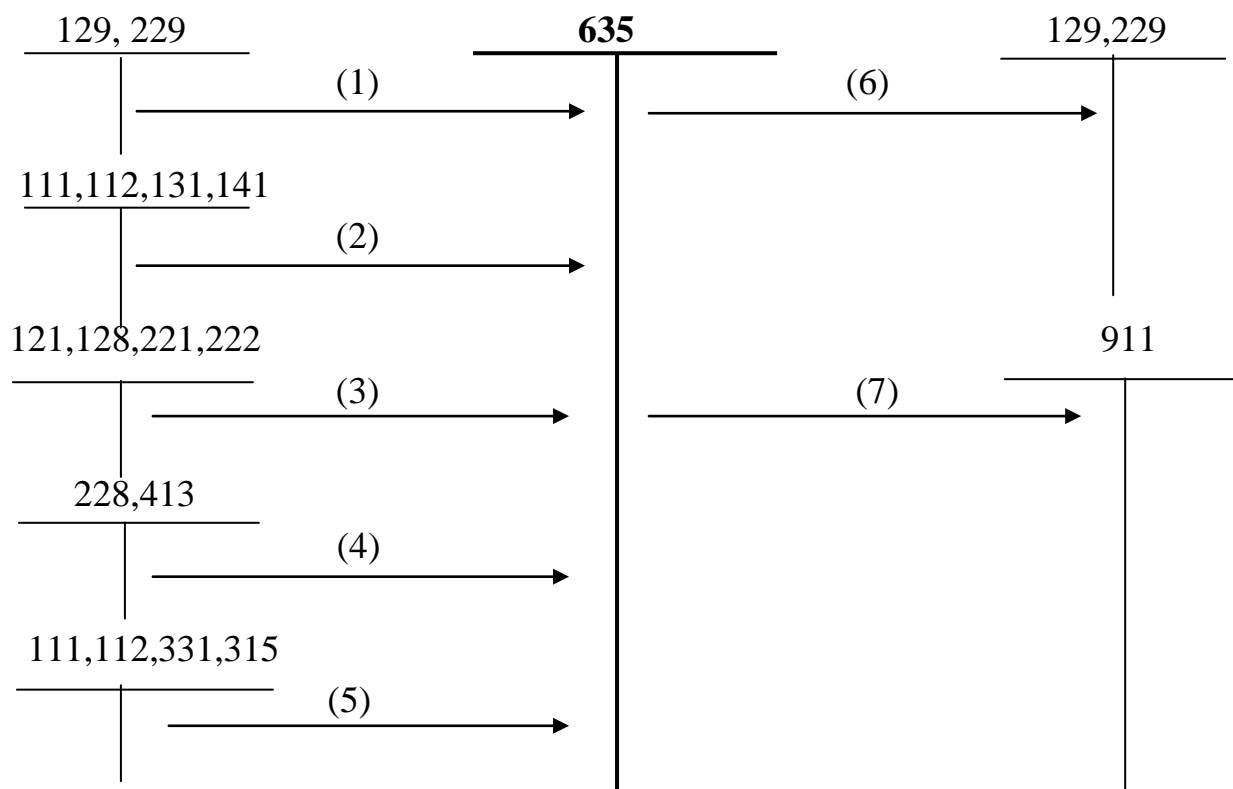


Giải thích sơ đồ:

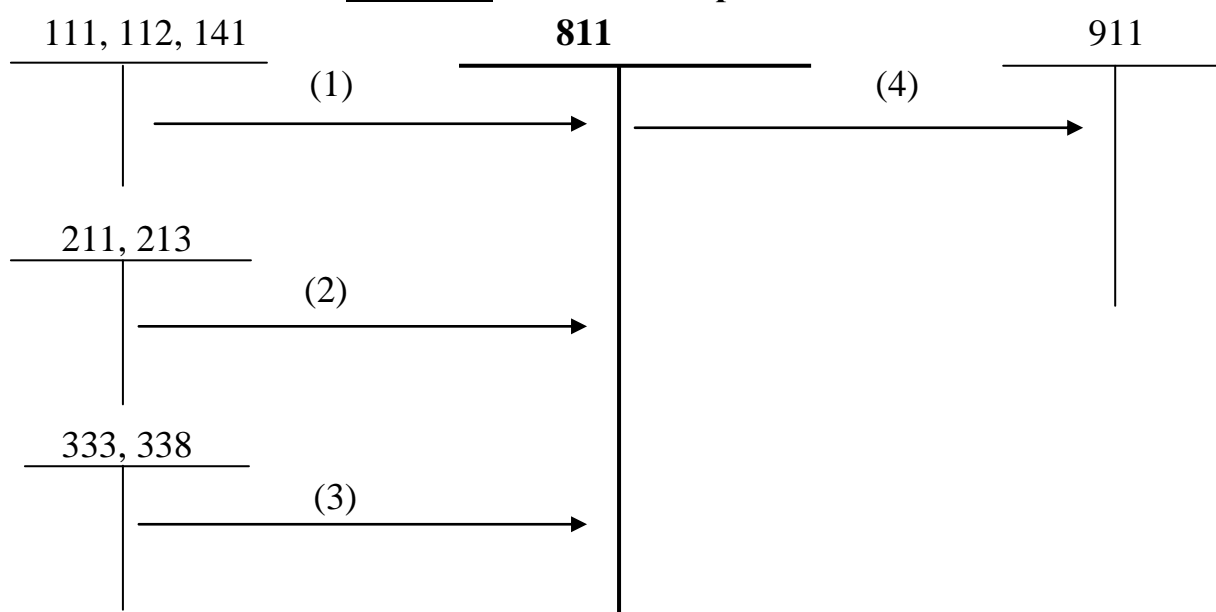
(1) Chi phí công cụ dụng cụ.

(2) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương.

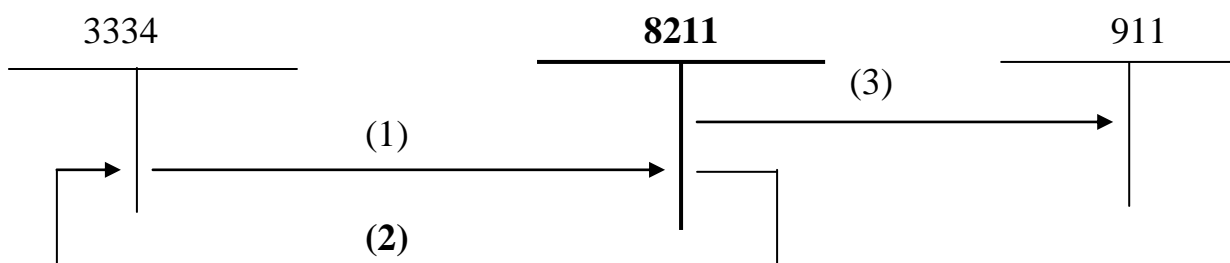
- (3) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (4) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (5) Dự phòng phải trả về tái cơ cấu doanh nghiệp. Hợp đồng có rủi ro lớn, dự phòng phải trả khác.
- (6) Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- (7) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cho cấp trên.
- (8) Dự phòng phải thu khó đòi.
- (9) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (10) Thuế môn bài, tiền thuế đất phải nộp NSNN.
- (11) Các khoản thu giảm chi.
- (12) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định KQKD trong kỳ.
- (13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay.
- (14) Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

Sơ đồ 1.8 : Kế toán chi phí tài chính**Giải thích sơ đồ:**

- (1) Lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn (lập lần đầu, lập bổ sung).
- (2) Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ được hưởng. Chi phí phát sinh do hoạt động vay vốn, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí hoạt động tài chính; số lỗ về tỷ giá do bán ngoại tệ.
- (3) Số lỗ về đầu tư thu hồi (số tiền thực thu nhỏ hơn số vốn đầu tư thu hồi).
- (4) Kết chuyển lỗ do chênh lệch tỷ giá; trị giá vốn đầu tư bất động sản.
- (5) Lãi tiền vay đã trả hoặc phải trả.
- (6) Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- (7) Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

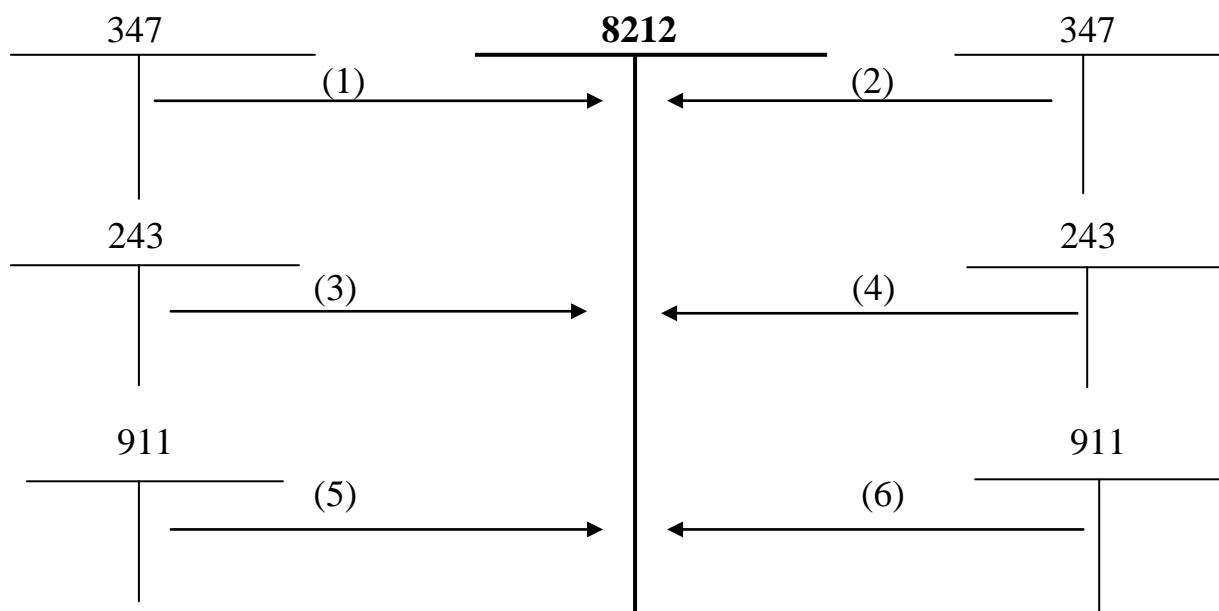
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác**Giải thích sơ đồ:**

- (1) Chi phí phát sinh khi khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ mang đi thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt phải nộp về vi phạm hợp đồng kinh tế, phải nộp về khoản doanh nghiệp bị truy thu thuế.
- (4) Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 1.10 a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**Giải thích sơ đồ:**

- (1) Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ do doanh nghiệp tự xác định.
- (2) Số chênh lệch giữa thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số phải nộp.
- (3) Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành.

Sơ đồ 1.10b : Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



Giải thích sơ đồ:

- (1) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
- (2) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
- (3) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- (4) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh lớn hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
- (5) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có lớn hơn số phát sinh Nợ TK8212.
- (6) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có nhỏ hơn số phát sinh Nợ TK8212.

1.3.3/ Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong công ty trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “lãi” hoặc “lỗ”.

a, Cách xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh = Doanh thu thuần - giá vốn hàng bán + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp + Thu nhập khác - Chi phí khác.

Trong đó: Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chiết khấu thương mại - Giảm giá hàng bán - Hàng bán bị trả lại - Thuế TTĐB, XNK

b, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

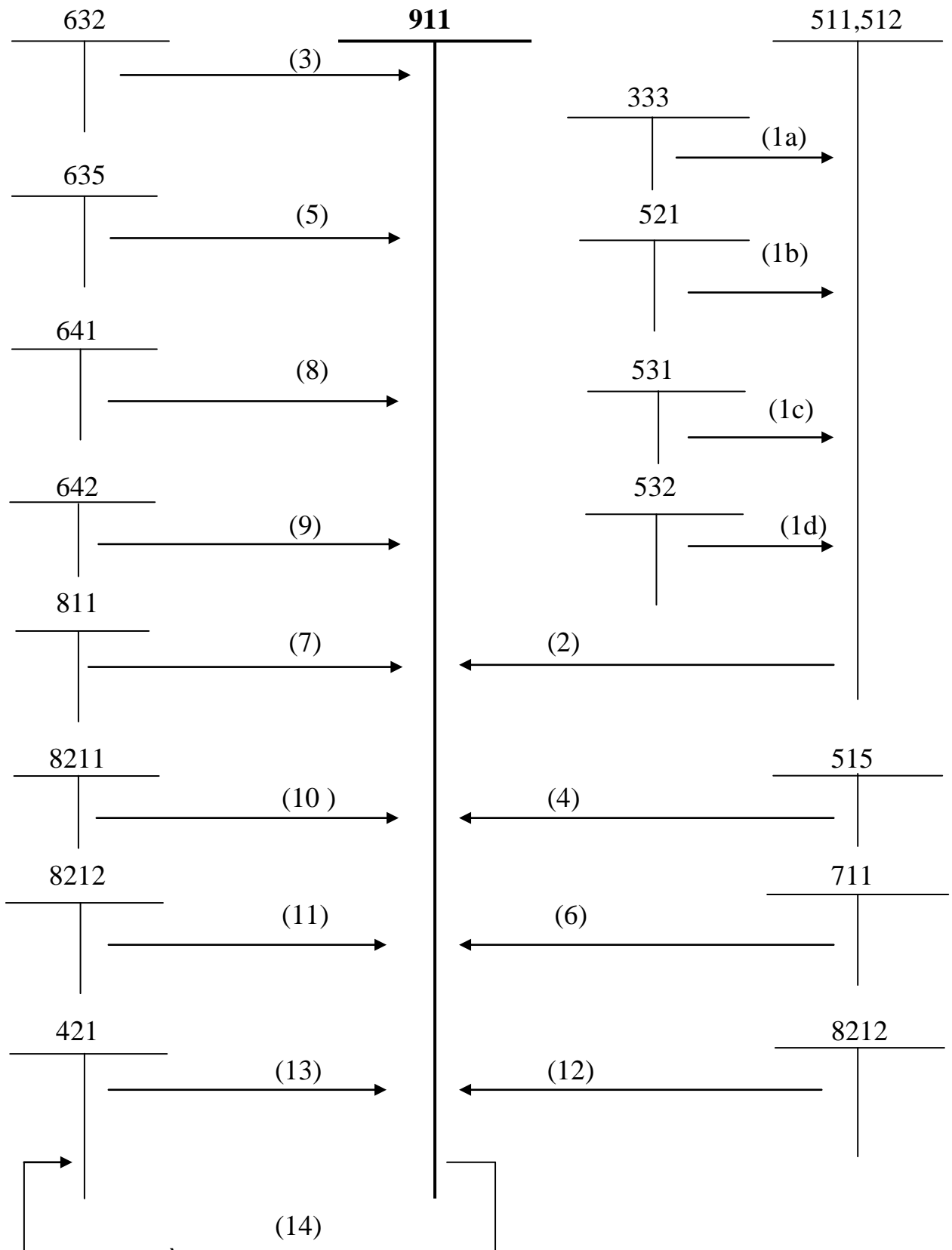
Kết cấu của tài khoản 911 như sau:

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.	- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí bán hàng.	
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.	
- Chi phí tài chính.	- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Chi phí khác.	- Thu nhập khác.
- Chi phí thuế TNDN.	- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lãi.	- Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

c, Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động kinh doanh



Giải thích sơ đồ:

(1a) Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- (1b) Kết chuyển chiết khấu thương mại.
- (1c) Kết chuyển giảm giá hàng bán.
- (1d) Kết chuyển hàng bán bị trả lại.
- (2) Kết chuyển doanh thu thuần.
- (3) Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- (4) Kết chuyển doanh thu tài chính.
- (5) Kết chuyển chi phí tài chính.
- (6) Kết chuyển thu nhập khác.
- (7) Kết chuyển chi phí khác.
- (8) Kết chuyển chi phí bán hàng.
- (9) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (10) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- (11) Kết chuyển chênh lệch SPS Có TK 8212 lớn hơn SPS bên Nợ TK 8212 .
- (12) Kết chuyển chênh lệch SPS Có TK 8212 nhỏ hơn SPS Nợ TK 8212.
- (13) Kết chuyển lãi sau thuế TNDN.
- (14) Kết chuyển lỗ.

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

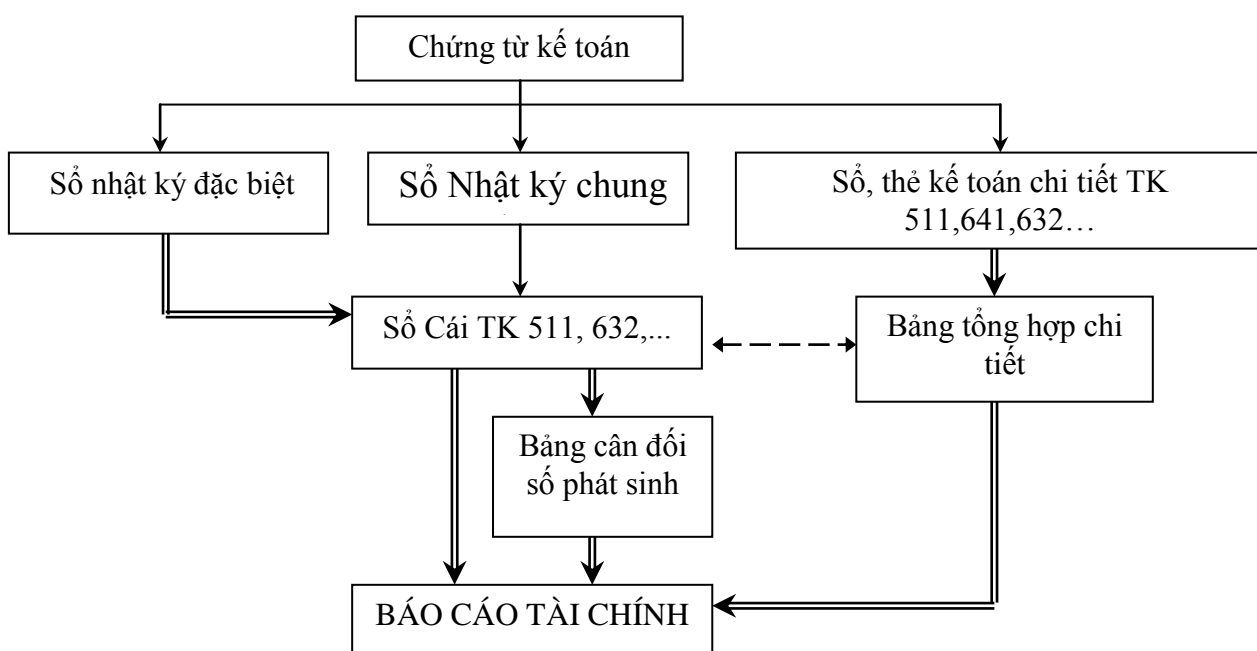
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

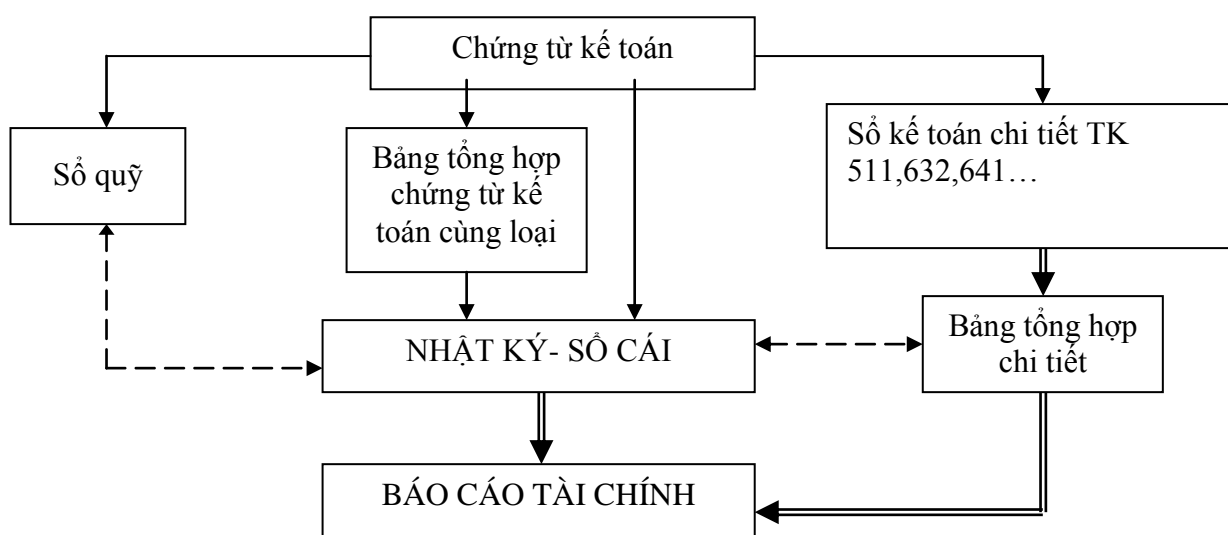
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.

- Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ

Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký, sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái



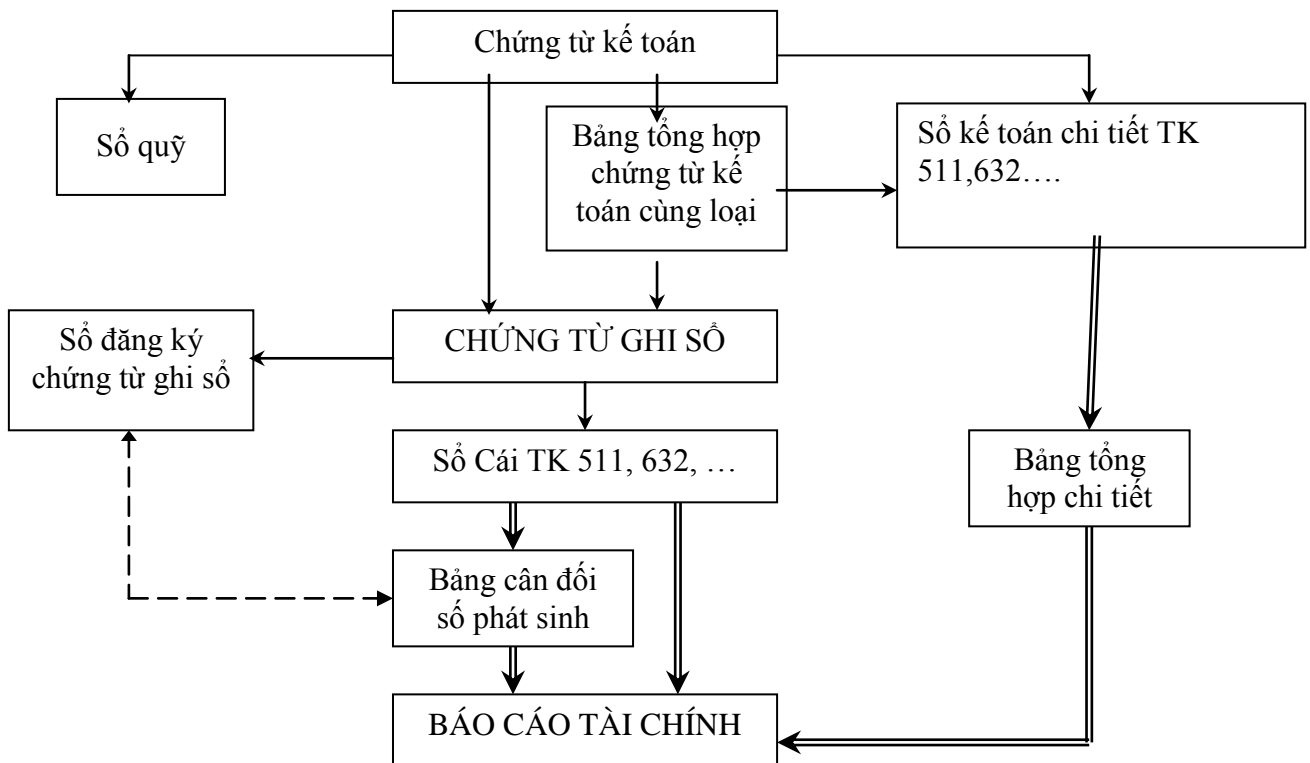
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày ,
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.
- Các loại sổ chủ yếu:
 - Chứng từ ghi sổ

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



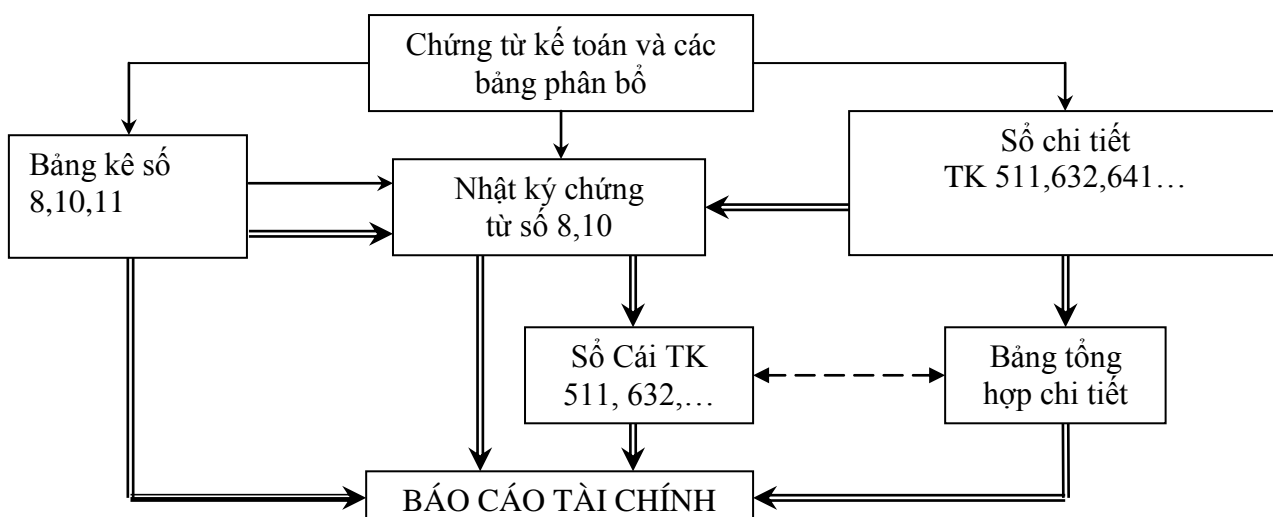
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký chứng từ

- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

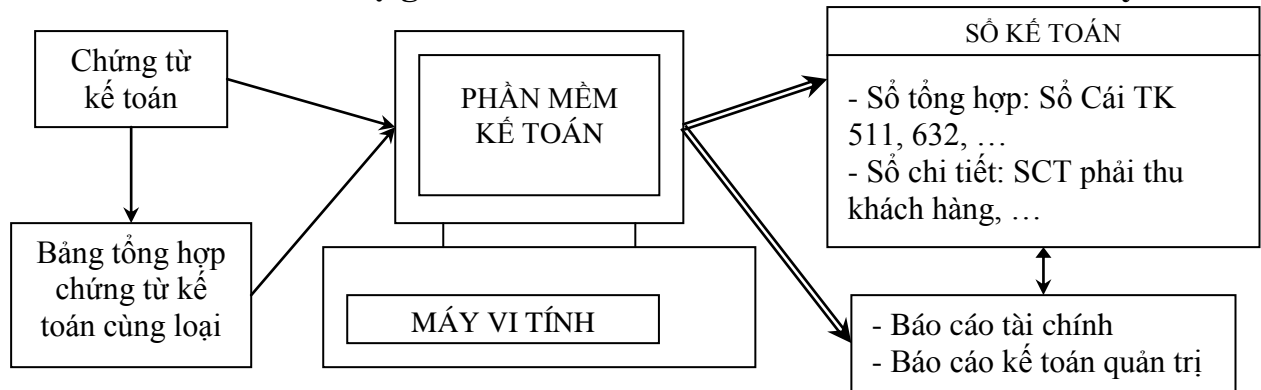
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**Ghi chú**

- Nhập số liệu hàng ngày
 ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

2.1/ Khái quát chung về công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.

2.1.1/ Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.

- Tên công ty viết bằng tiếng việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PHUHAI PRODUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

- Tên công ty viết tắt: **PHU HAI PT.JSC**

- Địa chỉ:

+ Văn phòng: Số 161 Lô 22 Đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại : 031.3213464

+ Xưởng: Số 150, Đường Đình Vũ - Đông Hải - Hải An - Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3555.209

- Fax: (031) 3. 555.209

- Email: phuhaicontainer@vnn.vn

- Website: www.phuhaicontainer.com

- Mã số thuế: 0200793405

- Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu vào 20 tháng 03 năm 2008 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200793405 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải phòng cấp. Đăng ký thay đổi lần 1, ngày 26 tháng 11 năm 2010.

* Vốn điều lệ: 3,368,000,000đ

Mệnh giá cổ phần: 1,000,000đ

Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: Số cổ phần: 3,368 cổ phần

Trị giá cổ phần: 3,368,000,000đ

*** Danh sách cổ đông sáng lập**

TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ địa chỉ trụ sở chính	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số QĐ, Số GCN ĐKKD, Số CMND	Ghi chú
1	Hà	Số 10 ngõ 297 phường	Phổ	2,000	2,000.00	59,38	131476012	

	Kiến Sở	Đông Khê, Ngô Quyền, TP.HP	thông					
2	Trần Thị Tâm	Số 10 ngõ 297 phường Đông Khê, Ngô Quyền, TP.HP	Phổ thông	1,000	1,000.00	29.69	131233979	
3	Phạm Hoàng Long	Số 44/353 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP.HP	Phổ thông	368	368.00	10.92	030079551	

2.1.2/ Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

- + Bán buôn các thiết bị chuyên dụng dùng cho sản xuất và sửa chữa container, ván sàn gỗ công nghiệp, gỗ dán, các loại ốc vít chuyên dụng, các phụ tùng chuyên dụng cho container.
- + Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; cho thuê máy móc, thiết bị nâng hạ, bốc xếp, cho thuê xe đầu kéo, xe cầu tự hành.
- + Vệ sinh công nghiệp container phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu trực tiếp.
- + Kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho; lưu giữ hàng hóa tại kho bãi có mái che và không có mái che.
- + Đóng mới các loại container
- + Mua, bán các loại container .
- + Kho bãi lưu trữ hàng hóa.
- + Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng .

2.1.2.1/ Những thuận lợi và khó khăn của công ty:

2.1.2.1.1. Thuận lợi

Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty đã sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định. Đó là:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên, công nhân trong công ty được nâng cao.

- Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo đúng đắn của ban lãnh đạo công ty.

- Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm.

- Địa điểm của công ty: nằm trong khu kinh tế cảng Đình Vũ, thuộc trục giao thông trung chuyển của thành phố với các tỉnh trong nước.

- Công ty có hệ thống kho và sân bãi rộng có thể lưu trữ một lượng hàng lớn.

- Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Phú Hải thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho công tác quản lý dễ dàng thuận tiện.

2.1.2.1.2. Khó khăn

- Do khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nước ta nói chung, và cũng ảnh hưởng tới tình hình huy động nguồn vốn của công ty nói riêng.

- Sự cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, sự biến động tăng bất thường của giá cả vật tư, nhiên, nguyên vật liệu, nhất là tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do tốc độ phát triển của thành phố ngày 1 nhanh, nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải ngày càng nhiều. Nhiều khách hàng quen thuộc của công ty đã bị thu hút bởi đơn giá hấp dẫn, thị trường của công ty bị thu hẹp.

2.1.2.2. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong giai đoạn từ 2009- 2010

- Công ty có đội ngũ công nhân giàu kinh nghiệm với đội ngũ thiết kế Container chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng, có kho bãi rộng trên 9.000m², với các dịch vụ vận chuyển hàng hóa thông thường và hàng container ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Chúng tôi cung cấp đầy đủ phương tiện cho tất cả các phương thức dịch vụ hàng hóa. Tạo mối liên hệ gắn kết giữa người gửi, người nhận và chủ hàng là điều mà chúng tôi cố gắng hết sức để đạt được.

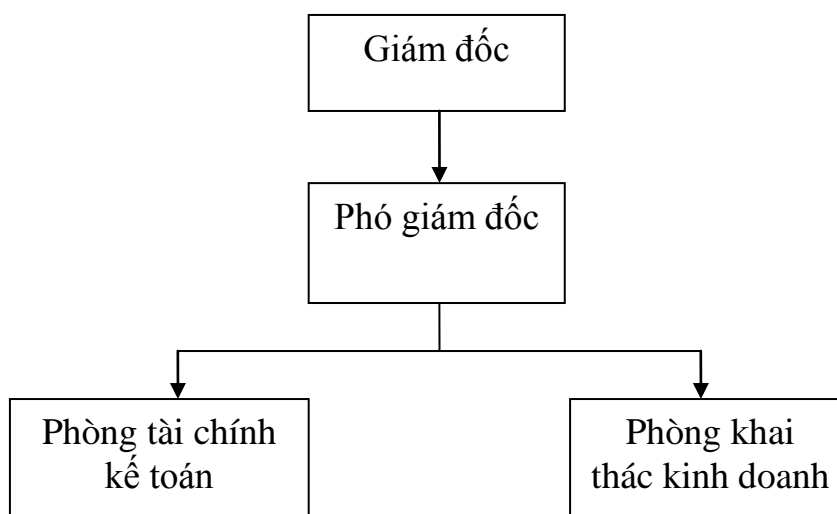
- Công ty là một trong những đơn vị đóng mới, mua, bán và sửa chữa các loại Container tại Việt Nam

- Nhận lưu kho lưu bãi, giữ hàng hóa trong kho ngoại quan

- Được các khách hàng quen thuộc tin cậy bởi sự tiếp đón và giao hàng đúng hẹn, đảm bảo chất lượng tốt trong nhiều năm qua.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của bộ máy quản lý doanh nghiệp:

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được tổ chức theo một cấp (tập trung).



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

- Giám đốc: là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc: Phụ trách điều hành các hoạt động của công ty. Chức năng nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty

- Các phòng ban chức năng:

+ Phòng Kế toán Tài Chính: theo dõi tình hình tài chính của đơn vị, tình hình nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, xác định kết quả kinh doanh, ... để cung cấp chính xác quá trình hoạt động của công ty.

+ Phòng khai thác kinh doanh: Chịu trách nhiệm khai thác và nhận lệnh sửa chữa container khi đơn vị bạn yêu cầu, tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải.

- Chi nhánh: là đơn vị thu nhỏ có người chỉ huy và điều hành trực tiếp là giám đốc và có các nhân viên trợ giúp như kế toán, thủ quỹ...

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Bộ máy kế toán tại công ty gồm có 2 người: kế toán, thủ quỹ.

Kế toán :Vũ Thị Duyên

Thủ quỹ: Nguyễn Thu Hằng

Kế toán: là người trực tiếp chịu trách nhiệm về tình hình kế toán của công ty, theo dõi hoạt động kinh doanh của công ty, cũng là kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

- Hằng ngày thu thập chứng từ mua bán hàng hoá, hàng tiêu dùng, lương thực... để phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh đó. Chuyển giao các phiếu thanh toán hợp lệ cho thủ quỹ chi.

Thủ quỹ: có trách nhiệm quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, chế độ.

2.1.4.1/ Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

- Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải áp dụng là theo chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản hiện nay Công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá xuất kho : nhập trước xuất trước

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

* *Hệ thống sổ kế toán:*

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc

điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

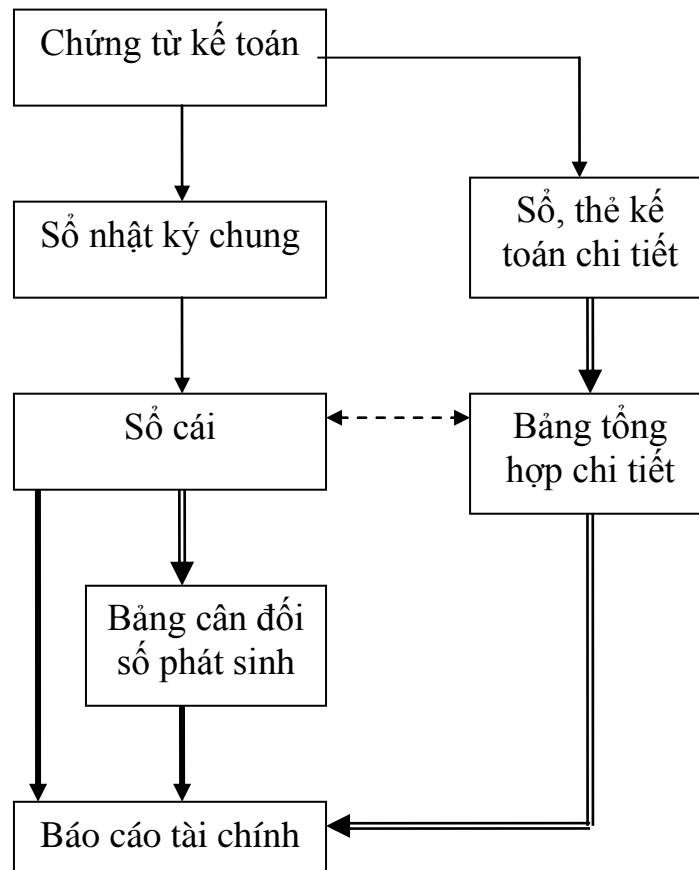
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- Hoàn chỉnh chứng từ: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như: tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- Luân chuyển chứng từ: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.
- Lưu trữ chứng từ: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

2.1.4.2/ Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và thao quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ NKC vào sổ sái tài khoản, từ sổ các các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→	Ghi cuối năm	→
Ghi cuối tháng	⇒	Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←- - - -

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Là doanh nghiệp sản xuất và thương mại, Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải có chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu từ sản xuất, sửa chữa container.

2.2.1 Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty : Là một doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa và cung cấp dịch vụ vì thế doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động sản xuất, sửa chữa và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1/ Các tài khoản sử dụng:

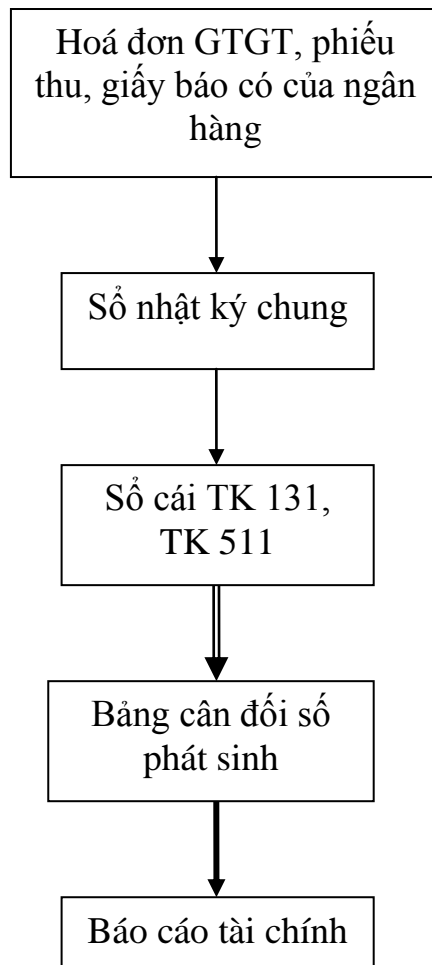
- TK 131: “ Phải thu của khách hàng ”
- TK 3331: “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ”
- TK 511: “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”

2.2.1.2/ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:
 - Liên 1:** (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyền hoá đơn
 - Liên 2:** (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.
 - Liên 3:** (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng.

2.2.1.3/ Sổ sách kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ cái TK 131, TK 511, TK111, TK333

Sơ đồ 2.3: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối năm \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Dựa vào số lượng hàng đó giao và hợp đồng kinh tế đó ký kết, kế toán ghi hóa đơn GTGT.

+ Nếu khách hàng trả tiền ngay có thể bằng tiền mặt (kế toán viết phiếu thu tương ứng với số tiền khách hàng thanh toán) hoặc chuyển ngay trong ngày (nhận được giấy báo Có của ngân hàng), kế toán định khoản:

Nợ TK 111,112

Có TK 511

Có TK 3331

+ Nếu khách hàng có yêu cầu thanh toán chậm, kế toán định khoản:

Nợ TK 131

Có TK 511

Có TK 3331

Dựa vào hóa đơn GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào các sổ sách có liên quan:

- Nhật ký chung
- Các sổ cái có liên quan

Ví dụ: Ngày 07/09/2010 Công ty thu tiền phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất thép Úc SSE là 13,674,221đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 13,674,221

Có TK 511: 12,431,110

Có TK 3331: 1,243,111

Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT số 002418

	HOÁ ĐƠN	Mẫu số: 01 GTKT -3LL BK/2010B 0024182													
	GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ														
Ngày 07 tháng 09 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Cty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....															
Địa chỉ: Số 161 Lô 22, Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, HP															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại:0313 555209.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td>3</td><td>4</td><td>0</td><td>5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>			0	2	0	0	7	9	3	4	0	5			
0	2	0	0	7	9	3	4	0	5						
Họ tên người mua hàng: Hoàng Việt Dũng															
Tên đơn vị: Cty Sản xuất thép Úc SSE.....															
Địa chỉ: Số 141, Đình Vũ, Đông Hải, Hải An, Hp															
Số tài khoản:.....															
Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>3</td><td>4</td><td>7</td><td>1</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>			0	2	0	0	3	7	3	4	7	1			
0	2	0	0	3	7	3	4	7	1						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1x2										
1	Phí sửa chữa container				12,431,110										
Cộng tiền hàng:					12,431,110										
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1,243,111										
Tổng cộng tiền thanh toán					13,674,221										
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi một đồng chẵn./.															
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													
Hoàng Việt Dũng		Hà Kiến Sở													

Biểu 2.2: Phiếu thu số 94

Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê,
NQ, HP

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006
của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU THU

Số : 94

Ngày 07 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 1111 : 13,674,221

Có TK 511 : 12,431,110

Có TK 3331 : 1,243,111

Người thu tiền: *Vũ Thị Duyên*

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do thu: Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc

Số tiền: 13,674,221 (Viết bằng chữ): *Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm hai mươi một đồng chẵn./.*

Kèm theo: HĐ số 0024182 Chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 09 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ Quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Biểu 2.3: Nhật ký chung) Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải**NHẬT KÝ CHUNG****NĂM 2010****ĐVT: Đồng**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....						
29/09/10	HĐ002424197	29/09/10	Phí sửa chữa cont của CN cty CP Bưu điện tại HP	112	201,433,375	
				511		183,121,250
				3331		18,312,125
29/09/10	HĐ002424198	29/09/10	Phí sửa chữa cont của Cty CP TM Thái Hưng	131	604,383,325	
				511		549,439,386
				3331		54,943,939
.....						
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	1,543,372,985	
				911		1,543,372,985
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111		12,431,110	
09/09/10	PT95	09/09/10	Thu tiền bán Container của Công ty Cổ phần Hà Đô 3	112		28,000,000	
15/09/10	PT99	15/09/10	Thu tiền bán Container của Công ty Cổ phần Hòa Bình	112		56,000,000	
25/09/10	HD002424186	25/09/10	Thu tiền phí sửa chữa cont của cty CP TM Thái Hưng	112		714,381,239	
29/09/2010	HD002424187	29/09/2010	Thu phí sửa chữa cont của CN Cty CP Bưu điện tại HP	112		183,121,250	
29/09/2010	HD002424188	29/09/2010	Thu tiền phí sửa chữa cont của cty CP TM Thái Hưng	131		549,439,386	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1,543,372,985		
Cộng phát sinh tháng 09						1,543,372,985	1,543,372,985
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 9 .năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2 Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải**2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán**

- Đối với hoạt động sản xuất: Giá vốn là toàn bộ chi phí doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất ra sản phẩm đó.

- Đối với hoạt động thương mại: Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hóa đó.

**/ Tài khoản sử dụng:*

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK632, TK154, TK156

**/ Quy trình hạch toán*

Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng tháng, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh :

Nợ TK 154

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 627

Từ đó kế toán vào sổ cái các TK 621, TK 622, TK 627.

Sau đó kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK632.

Nợ TK 632

Có TK 154, TK 156

Biểu số 2.5: Sổ cái TK632

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
07/09/2010	HĐ0024182	07/09/2010	Giá vốn sửa chữa container cho cty SX Thép Úc SSE	154	9,512,070		
09/09/2010	HĐ0024183	09/09/2010	Giá vốn bán container cho công ty Cổ phần Hà Đô 3	156	20,000,000		
.....	
29/09/2010	HĐ0024187	29/09/2010	Giá vốn sửa chữa container	154	89,232,045		
29/09/2010	HĐ0024188	29/09/2010	Giá vốn sửa chữa container	154	332,100,881		
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	381,223,868		
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển giá vốn	911		812,556,794	
Cộng phát sinh tháng 09						812,556,794	812,556,794
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**2.2.2.2.1/ Kế toán chi phí bán hàng**

Do công ty thực hiện phương thức bán hàng trực tiếp nên chi phí bán hàng của công ty khá đơn giản

***/ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- HĐ GTGT

- Phiếu chi

***/ Tài khoản sử dụng**

- TK 641

- Các TK khác có liên quan: TK111, TK 334, TK 156

***/ Sổ sách kế toán sử dụng**

- Nhật ký chung

- Sổ cái TK 641

- Các sổ khác có liên quan

2.2.2.2.2/ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**a/ Đặc điểm:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm nhiều loại chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương nhân viên quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Khác với chi phí nhân công trực tiếp sản xuất tính theo sản phẩm, lương của nhân viên quản lý được tính theo thời gian:

Thực lĩnh	=	Số tiền một ngày công	x	Số ngày công
--------------	---	--------------------------	---	-----------------

b/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642 - “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2.

Các chứng từ, sổ sách công ty sử dụng là:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, phiếu thu
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Sổ cái TK 642

c/ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán định khoản và vào các sổ sách có liên quan (sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642,...)

Ví dụ: 1, Ngày 02/09/2010 Trả tiền phí sửa chữa container cho công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping là 17,946,304đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 16,314,822

Nợ TK 133: 1,631,482

Có TK 1111: 17,946,304

2, Ngày 08/09/2010 Thanh toán tiền điện thoại VNPT là: 436,827đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 397,115

Nợ TK 133: 39,712

Có TK 1111: 436,827

Căn cứ vào các số liệu nói trên và các chứng từ có liên quan kế toán vào:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK641, Sổ cái TK642

Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT số 001535

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GT/2010B														
Liên 2: Giao khách hàng		0080409														
Ngày 02 tháng 09 năm 2010																
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH APM Sài Gòn Shipping																
Địa chỉ:																
Số tài khoản:																
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>3</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>6</td><td>9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>2</td></tr></table>				0	3	0	1	2	2	4	4	6	9	0	0	2
0	3	0	1	2	2	4	4	6	9							
0	0	2														
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Tuấn																
Tên đơn vị: Cty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải																
Địa chỉ: Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, Hải Phòng.....																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td>3</td><td>4</td><td>0</td><td>5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	7	9	3	4	0	5			
0	2	0	0	7	9	3	4	0	5							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Phí sửa chữa container				16,314,822											
Cộng tiền hàng:					16,314,822											
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1,631,482											
Tổng cộng tiền thanh toán					17,946,304											
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm linh bốn đồng./.																
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>												
Nguyễn Văn Tuấn		Bùi Thị Thi		Nguyễn Đình Chung												

Biểu số 2.7: Phiếu chi số 783

CTy Cp sản xuất và thương mại Phú Hải
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông
Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số : 783

Ngày 02 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 641 : 16,314,822

Nợ TK 133 : 1,631,482

Có TK 1111 : 17,946,304

Người chi tiền: Vũ Thị Duyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Trả tiền phí sửa chữa cont Cty TNHH APM Sài Gòn Shipping

Số tiền: 17,946,304 (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm linh bốn đồng./.

Kèm theo: **HD 0080409** Chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 09 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Nhật ký chung**Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải****NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2010****ĐVT: Đồng**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
02/09/10	PC784	02/09/10	Mua sơn của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	621	2,443,670	
				133	244,367	
				111		2,688,037
03/09/10	PC785	03/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	181,818	
				133	18,182	
				1111		200,000
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
08/09/10	PC806	08/09/10	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	642	397,115	
				133	39.712	
				1111		436,827
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 641

CTY CP SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

641 - Chi phí bán hàng

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
02/09/2010	PC783	02/09/2010	Thanh toán tiền sửa chữa cont	1111	16,314,822	
03/09/2010	PC785	03/09/2010	Thanh toán tiền sửa chữa cont	1111	181,818	
03/09/2010	PC786	03/09/2010	Thanh toán tiền gửi chứng từ	1111	17,000	
....
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		326,377,514
Cộng phát sinh tháng 09					326,377,514	326,377,514
Số dư cuối năm						

Ngày 30 .tháng 09 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Biểu số 2.10: Hoá đơn GTGT số 437464**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**

Mã số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu (Serial No): AC/2010T

Số (No): 437464

Liên 2: Giao cho khách hàng (Customer)

Mã số:

0	2	0	0	2	8	7	9	7	7	0	0	2	
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

TT dịch vụ Khách Hàng – VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name):

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Mã số:

0	2	0	0	7	9	3	4	0	5				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ: **Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Số điện thoại (Tel): 3555209 Mã số (code): HPG-03-431063(T6DHK3)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): **TM/CK**

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 09/2010	
a. Cước dịch vụ viễn thông	397,115
b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c. Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d. Khuyến mại	0
e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):	397,115
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):	39,712
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):	436,827

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Bốn trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng****Ngày 08 tháng 09 năm 2010**

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.11: Phiếu chi số 806

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông
Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số : 806

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 642 : 397,115

Nợ TK 133 : 39,712

Có TK 1111 : 436,827

Người chi tiền: *Vũ Thị Duyên*

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT.....

Số tiền: 436,827 (Viết bằng chữ): *Bốn trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng./.*

Kèm theo: *HD 437464* Chứng từ gốc.

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Nhật ký chung***Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải*****NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
02/09/10	PC784	02/09/10	Mua sơn của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	621	2,443,670	
				133	244,367	
				111		2,688,037
03/09/10	PC785	03/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	181,818	
				133	18,182	
				1111		200,000
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
08/09/10	PC806	08/09/10	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	642	397,115	
				133	39,712	
				1111		436,827
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 09		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 642

CTY CP SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
.....
08/09/2010	PC806	08/09/2010	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	1111	397,115	
10/09/2010	PC809	10/09/2010	Chi tiền tiếp khách ở cty TNHH Lôi Châu	1111	496,000	
....
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		242,760,412
Cộng phát sinh tháng 09					242,760,412	242,760,412
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính*a, Đặc điểm*

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

b, Tài khoản sử dụng

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

c, Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

Ví dụ: Ngày 30/09/2010 Công ty nhận được giấy báo lãi tiền gửi của ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu CN Hải Phòng, số tiền: 10,924 đồng.

Biểu số 2.14: Phiếu tính lãi tiền gửi không kỳ hạn

Ngân hàng CPTM A Chau Viet Nam

PHIEU TINH LAI TIEN GUI KHONG KY HAN

Tu: 01/09/2010 den: 30/09/2010

Tai khoan: 71116091299

CONG TY CO PHAN SAN XUAT & THUONG MAI PHU HAI

Den ngay	So du	Lai suat	Lai tích luy
18/09/2010	18 944 646.00	3.6000 % nam	2 990.36
23/09/2010	444 646.00	3.6000 % nam	10 612.69
30/09/2010	444 646.00	3.6000 % nam	10 924.00
Lap bieu		Kiem soat	

Biểu số 2.15: Nhật ký chung
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9			
.....
30/09/10	PT122	30/09/10	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111 711 3331	16,537,500	15,750,000 787,500
30/09/10	TSCĐ52	30/09/10	Ghi giảm giá trị xe ô tô đầu kéo	214 811 211	24,500,000 10,500,000	35,000,000
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635 1111	7,410,000	7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121 515	10,924	10,924
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511 515 911	1,543,372,985 10,924	1,543,383,909
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	15,750,000	15,750,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Tập hợp chi phí sản xuất	154 621 622 627	381,223,868	257,201,680 34,517,188 89,505,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn hàng bán	632 154	381,223,868	381,223,868
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911 635	7,410,000	7,410,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.16: Sổ cái TK515

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	NH56	30/09/2010	Giấy báo lãi tiền gửi - Ngân Hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121		10,924	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	10,924		
Cộng phát sinh tháng 09						10,924	10,924
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK635

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI
 Năm 2010
635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	PC861	30/09/2010	Thanh toán tiền lãi vay T7 +T8 +T9/2010	1111	7,410,000	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	911		7,410,000
Cộng phát sinh tháng 09					7,410,000	7,410,000
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.4.1, Đặc điểm

Các hoạt động khác của công ty bao gồm: Thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: “Thu nhập khác”
- TK 811: “Chi phí khác”

Thu nhập khác: Đây là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Chi phí khác: Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

2.2.4.2, Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811,

2.2.4.3, Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ sách liên quan: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711, TK 811.

**/Ví dụ:*

Phiếu thu 122, Ngày 30/09/2010 công ty nhượng bán một xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409 cho công ty TNHH Sao Vàng. Nguyên giá 350,000,000đ, đã khấu hao 240,500,000đ. Giá bán tài sản cố định 15,750,000đ, thuế GTGT 5%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

Căn cứ vào phiếu thu số 112, kế toán vào **Sổ Nhật Ký Chung**, sổ cái TK 711,TK811

Biểu số 2.18: Phiếu thu số 122

CTy CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI
Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU THU

Số : 122

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 1111 : 16,537,500

Có TK 711 : 15,750,000

Có TK 3331 : 787,500

Người thu tiền: *Vũ Thị Duyên*

Địa chỉ: Phòng kế toán.....

Lý do nộp: Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409

Số tiền: *16,537,500* (Viết bằng chữ): *Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng./.*

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ Quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Biểu số 2.19: Nhật ký chung
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải
NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9			
.....
30/09/10	PT122	30/09/10	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111	16,537,500	
				711		15,750,000
				3331		787,500
30/09/10	TSCĐ52	30/09/10	Ghi giảm giá trị xe ô tô đầu kéo	214	24,500,000	
				811	10,500,000	
				211		35,000,000
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635	7,410,000	
				1111		7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121	10,924	
				515		10,924
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511	1,543,372,985	
				515	10,924	
				911		1,543,383,909
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711	15,750,000	
				911		15,750,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Tập hợp chi phí sản xuất	154	381,223,868	
				621		257,201,680
				622		34,517,188
				627		89,505,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn hàng bán	632	381,223,868	
				154		381,223,868
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	911	10,500,000	
				811		10,500,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.20: Sổ cái TK711

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản : 711 – Thu nhập khác

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
.....			
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	PT112	30/09/2010	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111		15,750,000	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển thu nhập khác	911	15,750,000		
Cộng phát sinh tháng 09					15,750,000	15,750,000	
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21 : Sổ cái TK811

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
.....			
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	TSCĐ52	30/09/2010	GTCL của xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409 tại thời điểm nhượng bán	211	10,500,000		
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi khác	911		10,500,000	
Cộng phát sinh tháng 09					10,500,000	10,500,000	
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**2.2.5.1/ Đặc điểm:**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

* *Kết quả sản xuất kinh doanh:*

Kết quả sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí QLDN
--------------------------------	---	--------------------	---	---------------------	---	-----------------

* *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí Tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	----------------------

* *Kết quả hoạt động khác*

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
---------------------------	---	------------------	---	-----------------

2.2.5.2/ Nguyên tắc hạch toán:

* Kế toán sử dụng **TK 911** để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK641, TK 642, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

+ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

+ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421

Biểu số 2.22: Nhật ký chung**Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải****NHẬT KÝ CHUNG**

NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9	..		
.....
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635 1111	7,410,000	7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121 515	10,924	10,924
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511 515 911	1,543,372,985 10,924	1,543,383,909
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	15,750,000	15,750,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Tập hợp chi phí sản xuất	154 621 622 627	381,223,868	257,201,680 34,517,188 89,505,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn hàng bán	632 154	381,223,868	381,223,868
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng	911 641 642 632 635	1,389,104,720	326,377,514 242,760,412 812,556,794 7,410,000
			Cộng chuyển trang sau		3,903,894,689	3,903,894,689

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang		3,903,894,689	3,903,894,689
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	911 811	10,500,000	10,500,000
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Thuế TNDN phải nộp	8211 3334	39,882,297	39,882,297
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển thuế TNDN	911 8211	39,882,297	39,882,297
30/09/10	BKQT09	30/09/10	Kết chuyển lãi trong kinh doanh	911 4211	119,646,892	119,646,892
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 821

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	39,882,297	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển thuế TNDN	911		39,882,297
Cộng phát sinh tháng 09						
					39,882,297	39,882,297
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK911

SỔ CÁI (NĂM 2010)
911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	BKQT09	30/09/201-	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1,543,372,985
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		10,924
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển thu nhập khác	711		15,750,000
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	242,760,412	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	812,556,794	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	326,377,514	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	635	7,410,000	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển chi phí khác	811	10,500,000	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển thuế TNDN	8211	39,882,297	
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển lãi	421	119,646,892	
			Cộng phát sinh tháng 09		1,559,133,909	1,559,133,909
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 421

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	BKQT09	30/09/2010	Kết chuyển lãi	911		119,646,892
Cộng phát sinh tháng 09						
						119,646,892
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2010

Đơn vị: CT CP SX & TM PHÚ HẢI
Địa chỉ: : Số 161 Lô 22-Đường Lê Hồng
Phong-Đông Khê-NQ- HP

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		16,977,102,538	15,125,054,988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		16,977,102,538	15,125,054,988
4. Giá vốn hàng bán	11		8,938,124,734	7,963,056,581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8,038,977,804	7,161,988,407
6. Doanh thu hoạt động TC	21		5,560,687	4,954,066
7. Chi phí tài chính	22		92,510,000	82,418,000
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		92,510,000	82,418,000
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		3,590,152,654	3,198,499,637
9. Chi phí bán hàng	25		2,670,364,532	2,379,052,038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1,686,070,782	1,502,135,788
11. Thu nhập khác	31		155,428,503	150,000,000
12. Chi phí khác	32		279,872,699	277,888,951
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(124,444,196)	(127,888,951)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,561,626,586	1,374,246,837
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		390,406,646	343,561,709
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1,171,219,940	1,030,685,128

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.1.1. Về tình hình công tác kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

- Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng, như cơ quan thuế, ngân hàng... cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

- Về hình thức sổ công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “sổ nhật ký chung”. Đây là hình thức sổ được áp dụng khá phổ biến. Hình thức sổ kế toán này có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty: hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với khối lượng và trình độ kế toán của công ty.

- Về mô hình kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều được tập trung về phòng kế toán chịu sự hướng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Mô hình này đảm bảo được sự giám sát kiểm tra của kế toán trưởng và sự lãnh đạo kịp thời của ban giám đốc. Nhìn chung, các số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng và đúng trình tự. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh

chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan được thuận lợi.

3.1.2. Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.1.2.1. Ưu điểm:

Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phân hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phân hành kế toán này tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải em nhận thấy có những ưu điểm sau:

- Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như: Phiếu thu, Phiếu chi... có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản, lưu trữ tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

- Về sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy.

- Về công tác kế toán chi phí hoạt động: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh

doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

- Hiện nay sau mỗi quý hoạt động kinh doanh, kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty trong quý qua để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

3.1.2.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

- **Về việc sử dụng phần mềm kế toán:** Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán, công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm kế toán Fast, Phần mềm kế toán Admin.

- **Về Nhân sự phòng kế toán:** Số lượng nhân viên tại phòng kế toán của công ty quá ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại quá nhiều. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về kết quả kinh doanh và chi phí sản xuất.

- **Về hạch toán chi phí tiền lương:** Công ty không có chế độ Bảo hiểm cho người lao động, vì vậy làm hạn chế khả năng sản xuất và sự gắn kết lâu dài của người lao động với công ty. Do vậy công ty nên tiến hành đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động để họ tin tưởng hăng say làm việc.

- **Về chính sách ưu đãi cho người sử dụng dịch vụ:** Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản

chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Công tác tập hợp chi phí bán hàng dịch vụ chưa hiệu quả

Hiện nay do khối lượng công việc nhiều, trình độ kế toán tại công ty chưa cao. Nên công ty chưa tập hợp chi phí để tính giá thành cho một hợp đồng vận chuyển, từng hợp đồng sửa chữa. Điều này làm cho ban lãnh đạo công ty không biết được đối với một hợp đồng vận chuyển lãi hay lỗ bao nhiêu, để đưa ra quyết định hợp lý.

3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải cần tăng cường nhân viên kế toán nên vấn đề yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra tại công ty.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động

của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải em đã đi tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Em nhận thấy công ty đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng được yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của công ty và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Sau thời gian thực tập và tìm thực tế tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

Ý kiến 1: Nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán của toàn công ty:

+Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ phần mềm kế toán máy **Fast, Bravo, Misa, Sas Innova...**

+**Phần mềm kế toán FAST:**

- Fast accounting (phiên bản 10.0) mang lại những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng...), quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập liệu này đến màn hình nhập liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập số liệu, giao diện bằng ngôn ngữ Việt và Anh... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của FAST và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- Fast Business (phiên bản 3.1): được viết trên ngôn ngữ lập trình VB. NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

- Fast Financial: là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast accounting và Fast Business, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

Giao diện phần mềm kế toán FAST



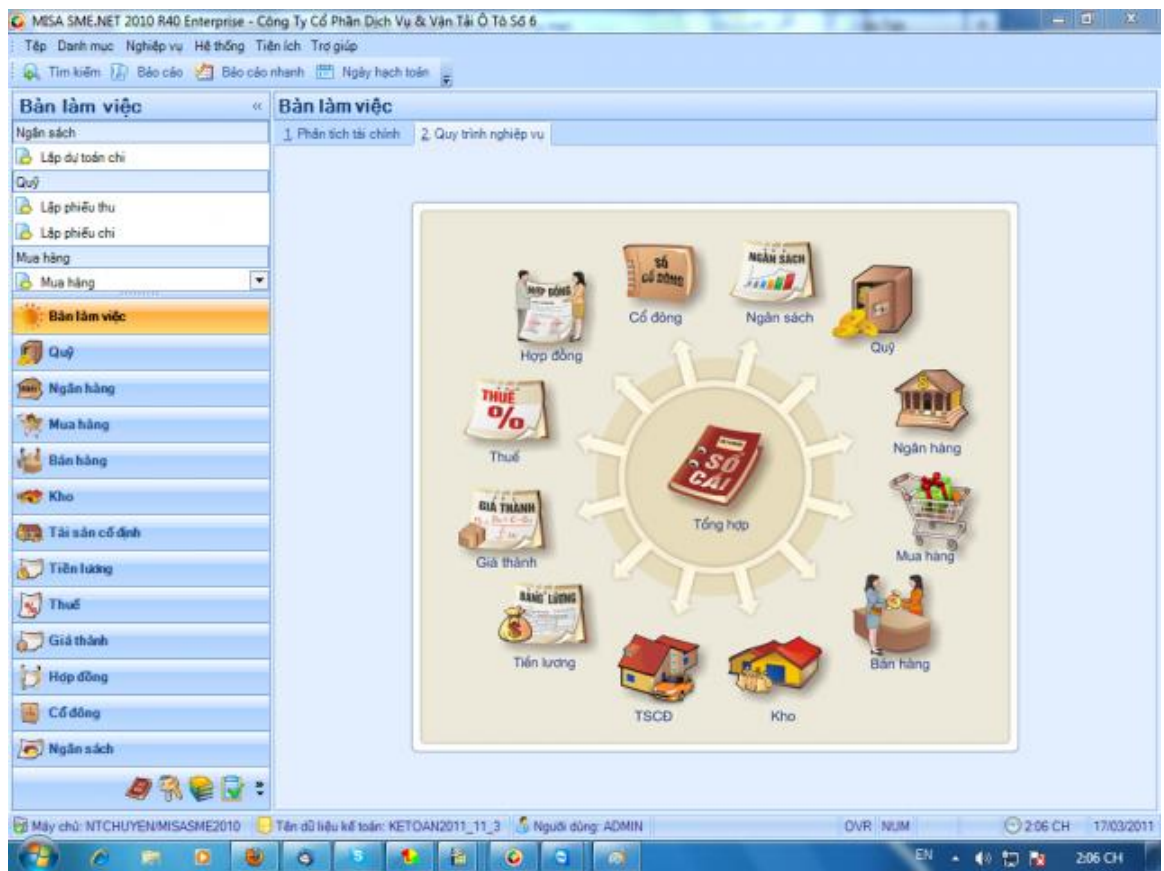
+Phần mềm kế toán BRAVO:

Được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam, "Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO" không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng những yêu cầu quản lý kế toán thông thường mà nó còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với phần mềm BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận kế toán, kinh doanh, vật tư, kho hàng, nhân sự ... được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chồng chéo (Dữ liệu được nhập tại một đầu vào "1 công đoạn của 1 bộ phận" và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giao diện phần mềm kế toán BRAVO

+ **Phần mềm kế toán Misa MISA SME.NET 2010** gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Giao diện phần mềm kế toán Misa:



Ý kiến 2: Cần bổ sung nhân sự cho phòng kế toán. Số lượng nhân viên kế toán của công ty hiện nay còn thiếu so với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên kế toán là cán bộ trẻ, năng động có trình độ chuyên môn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển chung của công ty. Mặt khác, hình thức ghi sổ kế toán là hình thức nhật ký chung nên công việc thường dồn vào cuối kỳ, mà khối lượng công việc lại hoàn toàn do kế toán tổng hợp đảm nhiệm. Do vậy việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Do đó yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty hiện nay là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng sẽ được phân công theo chuyên môn của từng nhân viên. Như vậy sẽ đảm bảo cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

Ý kiến 3: *Về hạch toán chi phí tiền lương:*

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa người công ty với người lao động, công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định:

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Người sử dụng lao động (Tính vào chi phí)
1. Quỹ bảo hiểm xã hội	6%	16%
2. Quỹ bảo hiểm y tế	1.5%	3%
3. Quỹ kinh phí công đoàn	0%	2%
4. Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%
Cộng	8.5%	22%

Ý kiến 4: Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Để đẩy nhanh công tác cung cấp dịch vụ, thu hồi nhanh chóng tiền cước dịch vụ, công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay, tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản “ Nợ phải thu” của công ty đến thời điểm ngày 31/12/2010 là trên 725 triệu đồng, một con số khá lớn. Điều này làm ảnh hưởng lớn tới tình hình quay vòng vốn của công ty. Mặt khác vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều nên công ty phải đi vay vốn để thanh toán với nhà cung cấp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể quy định mức chiết khấu như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 10 ngày thì được hưởng chiết khấu 1% tính trên tổng số tiền đã thanh toán.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền trước thời hạn 20 ngày thì được hưởng chiết khấu 2% tính trên tổng giá thanh toán.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Ý kiến 5: Lập sổ chi phí bán hàng cho từng đối tượng khách hàng

Công ty cần lập sổ chi phí bán hàng vì:

Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng khách hàng. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kì năm trước hoặc so với kì trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý..

Biểu số 3.1

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CHI PHÍ BÁN HÀNG

Tài khoản: 641- Chi phí bán hàng

Đối tượng: Công ty X

Từ ngày 1/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				Tiền lương	Thuế , phí, lệ phí	Dịch vụ mua ngoài	Chi phí tiếp khách	Khấu hao TSCĐ	CP khác
.....		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất lớn trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Nếu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất tăng thu nhập.

Khoá luận: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải”** đã giải đáp được các vấn đề sau về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1, Về mặt lý luận khoá luận đã nêu lên được những nét chính, nét cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

2, Về mặt thực tiễn: Khoá luận đã phân ánh tình hình số liệu, công tác tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải năm 2010 để chứng minh cho khoá luận.

3, Về những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải khoá luận đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó nêu ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tập trung vào: Tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, ghi chép, hạch toán. Tuy nhiên các kiến nghị vẫn mang màu sắc lý luận nhiều hơn, chưa thật bám chắc thực tế, bởi vậy nó chỉ mang tính chất tham khảo.

Với thời gian thực tập ngắn, kiến thức bản thân có hạn, vấn đề nghiên cứu thì rộng, tổng hợp, song được giúp đỡ, tận tình chỉ bảo của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải và sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Nguyễn Văn Vĩnh đã giúp em hoàn thành được bài khoá luận này.

Sinh viên

Trần Thị Dành

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:	9
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	9
1.1. Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	9
1.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp	9
1.1.1.1/ Khái niệm	9
1.1.1.2/ Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:	9
1.1.1.2.1, Các loại doanh thu:	9
1.1.1.2.2, Các phương thức bán hàng	10
1.1.1.2.3, Thời điểm ghi nhận doanh thu	11
1.1.1.3/ Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp:.....	11
1.1.2/ Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp	13
1.1.2.1. Khái niệm.....	13
1.1.2.2. Các loại chi phí	13
1.1.3/ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	13
1.1.3.1. Khái niệm.....	13
1.1.3.2. Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh	14
1.2/ Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	14
1.2.1/ Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	14
1.2.2/ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	15
1.3/ Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	16
1.3.1/ Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	16
1.3.1.1/ Kế toán doanh thu, thu nhập.....	16
1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	24
1.3.2. Tổ chức kế toán chi phí	27
1.3.3/ Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	41
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	44
1.4.1.Hình thức kế toán Nhật ký chung.	44
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.	45
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	46
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ	47
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	48

CHƯƠNG 2:	49
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI	49
2.1/ Khái quát chung về công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.	49
2.1.1/ Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.	49
2.1.2/ Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	51
2.1.2.1/ Những thuận lợi và khó khăn của công ty:.....	51
2.1.2.1.1. Thuận lợi.....	51
2.1.2.1.2. Khó khăn.....	52
2.1.2.2. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong giai đoạn từ 2009-2010	52
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của bộ máy quản lý doanh nghiệp:	53
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	54
2.1.4.1/ Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	55
2.1.4.2/ Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty	56
2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	57
2.2.1 Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	58
2.2.1.1/ Các tài khoản sử dụng:	58
2.2.1.2/ Chứng từ kế toán sử dụng:	58
2.2.1.3/ Sổ sách kế toán sử dụng	58
2.2.2 Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	65
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	65
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	67
2.2.2.2.1/ Kế toán chi phí bán hàng	67
2.2.2.2.2/ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	67
2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	77
2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	81
2.2.4.1, Đặc điểm	81
2.2.4.2, Chứng từ, sổ sách sử dụng:.....	81
2.2.4.3, Quy trình hạch toán:	81
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	86
2.2.5.1/ Đặc điểm:.....	86

2.2.5.2/ Nguyên tắc hạch toán:	86
CHƯƠNG 3:	93
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI	93
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.	93
3.1.1. Về tình hình công tác kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	93
3.1.2. Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.	94
3.1.2.1. Ưu điểm:	94
3.1.2.2. Hạn chế:.....	95
3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.	96
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	96
3.2.2. Phương hướng hoàn thiện.....	97
3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	98
KẾT LUẬN	105